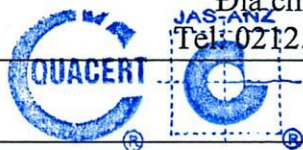


SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-1.0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2026.06.29.04/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô hiệu – tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Nậm Lạnh – Nhà máy nước Sốp Cộp
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2026.06.11/BBGM. Ngày 11 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT (A)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500 Cr B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Chỉ số BOD ₅ (20°C) (*)	mg/l	<2	≤ 4	TCVN 6001-1:2021
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,15	≥ 6,0	TCVN 7325:2016
12	Fluor (F) (*)	mg/l	0,258	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2023
13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,0025	0,01	SMEWW 4500- CN –C&E : 2023

14	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
15	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	<0,01	≤ 0,1	SMEWW 4500- P-.B&E : 2023
16	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,27	≤ 0,6	SMEWW 4500-N.C:2023
17	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	mg/l	<1,10	5,0	SMEWW 5520 F :2017
18	pH (*)	-	7,2	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
19	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (Lod: 0,031)	0,5	TCCS HD – 01/01
20	Nitrit (NO ₂ tính theo N) (*)	mg/l	<0,005	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ :2023
21	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	<0,02	0,3	SMEWW 4500- NH3.B&F:2023
22	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (*)	mg/l	<5	≤25	TCVN 6625:2000
23	Chỉ số COD (*)	mg/l	<3	≤10	SMEWW 5220.C:2023
24	Clorua (Cl ⁻) (*)	mg/l	20,58	250	TCVN 6194:1996
25	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
26	Coliform tổng số (*)	MPN/100 ml	9,1x10 ¹	≤ 1000	SMEWW 9221B:2023
27	E.coli (*)	MPN/100 ml	3	20	SMEWW 9221.B&F:2023

Sơn La, ngày 29 tháng 06 năm 2026

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Là Văn Khải

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến.
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.